



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 14 - 43 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013346, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 12 lần Đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102005769 ngày 24 tháng 6 năm 2015.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 043.577 1983
- Fax : 043.577 1985

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết:
 - Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
 - Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
 - Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
 - Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết:
 - Kinh doanh khai thác và quản lý chợ;
 - Dịch vụ quản lý bất động sản;
 - Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
Chi tiết:
 - Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành);
 - Sản xuất, mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết:
 - Xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;
 - Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chi tiết: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu

Chi tiết:

-Dịch vụ cầm đồ;

-Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận

Chi tiết:

-Quảng cáo thương mại và phi thương mại;

-Dịch vụ quan hệ công chúng;

-Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;

-Nghiên cứu, phân tích thị trường;

-Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại;

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch

Chi tiết:

-Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe buýt, vé tour du lịch;

-Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

- Đại lý, môi giới, đấu giá

Chi tiết:

-Đại lý bảo hiểm;

-Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đỗ Lăng | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Trần Vũ Phương | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Huỳnh Thị Mai Dung | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Đặng Anh Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Đào Ngọc Thanh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Ông David Roes | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Lusy Miranda | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Hoàng Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Trần Vũ Phương | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Lã Thị Quy | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Phạm Hoài Phương | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Vũ Thị Phương Anh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016 |

Tổng Giám đốc

Quyền Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Lưu Thái Đông (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đỗ Lăng - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016).

Ông Nguyễn Đỗ Lăng đã ủy quyền cho Ông Lưu Thái Đông ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 25/2016/UQ-API ngày 01 tháng 8 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quyền Tổng Giám đốc



Lưu Thái Đông

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 406/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

7/8
JHA
JVI
1/5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 316.646.548.387 | 274.187.463.910 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 22.051.899.331 | 32.149.756.227 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.051.899.331 | 3.149.756.227 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 16.000.000.000 | 29.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 35.265.351.254 | 20.488.688.754 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 16.145.838.754 | 17.845.838.754 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (2.730.487.500) | (2.707.150.000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 21.850.000.000 | 5.350.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 253.008.115.500 | 213.215.485.231 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 35.359.040.663 | 2.164.962.095 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 18.913.357.939 | 18.733.723.381 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 678.500.000 | 5.678.500.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6 | 206.308.000.959 | 194.889.083.816 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (8.250.784.061) | (8.250.784.061) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.551.408.418 | 3.378.997.980 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 1.551.408.418 | 3.378.997.980 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.769.773.884 | 4.954.535.718 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 8.172.727 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 4.761.601.157 | 4.954.535.718 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 469.347.082.014 | 382.580.201.354 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 227.440.283 | 465.529.981 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 227.440.283 | 465.529.981 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.076.727.272 | 1.537.360.605 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (849.286.989) | (1.071.830.624) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 52.888.000 | 52.888.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (52.888.000) | (52.888.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 164.499.912.642 | 151.763.346.903 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 164.499.912.642 | 151.763.346.903 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 304.619.729.089 | 230.351.324.470 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2c | 276.830.339.089 | 182.561.934.470 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 27.789.390.000 | 27.789.390.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | - | 20.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 785.993.630.401 | 656.767.665.264 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 432.979.812.610 | 306.483.070.490 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 381.058.393.023 | 264.616.523.990 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 13.848.223.077 | 2.144.260.970 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 23.943.918 | 23.943.918 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 981.443.092 | 1.076.306.484 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 447.340.392 | 480.623.234 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 4.413.156.747 | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16a | 128.241.404.899 | 124.774.801.919 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 233.067.859.366 | 136.028.366.083 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 35.021.532 | 88.221.382 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 51.921.419.587 | 41.866.546.500 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16b | 41.866.546.500 | 41.866.546.500 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | 10.054.873.087 | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 353.013.817.791 | 350.284.594.774 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 353.013.817.791 | 350.284.594.774 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 364.000.000.000 | 364.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 364.000.000.000 | 364.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 46.144.781.818 | 46.144.781.818 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (9.481.291.820) | (9.481.291.820) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.293.626.226 | 1.293.626.226 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (48.943.298.433) | (51.672.521.450) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (51.672.521.450) | (62.318.223.400) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.729.223.017 | 10.645.701.950 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 785.993.630.401 | 656.767.665.264 |

Người lập biểu



Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoài Giang

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Quyền Tổng Giám đốc



Lưu Thái Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 39.136.839.522 | 177.221.913 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 39.136.839.522 | 177.221.913 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 33.176.327.508 | 234.586.100 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 5.960.512.014 | (57.364.187) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.567.384.875 | 63.333.291.825 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 158.865.708 | 101.741.742 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 135.528.208 | 48.346.925 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 3.868.202.811 | 3.436.413.469 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.500.828.370 | 59.737.772.427 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 9.101.137 | - |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (9.101.137) | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.491.727.233 | 59.737.772.427 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 762.504.216 | 11.006.099.692 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>2.729.223.017</u> | <u>48.731.672.735</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | - | - |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | - | - |

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu


Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng


Nguyễn Hoài Giang

Quyền Tổng Giám đốc



Lưu Thái Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.491.727.233 | 59.737.772.427 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.10 | 65.352.197 | 76.868.030 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | VI.4 | 23.337.500 | 37.340.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.3 | (94.410.782) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.373.597.890) | (63.285.848.440) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 135.528.208 | 48.346.925 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2.247.936.466 | (3.385.521.058) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (39.121.480.569) | (36.584.324.475) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 1.827.589.562 | (18.711.326) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 19.160.798.819 | (1.651.435.102) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (8.172.727) | - |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 1.700.000.000 | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (135.528.208) | (48.346.925) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (373.316.653) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 155.856.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.18 | (53.199.850) | (155.856.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (14.755.373.160) | (41.688.338.886) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (12.736.565.739) | (705.044.321) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 163.636.364 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | 13.500.000.000 | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | (10.000.000.000) | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (94.268.404.619) | (15.412.305.596) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 30.750.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 904.483.888 | 755.911.860 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (102.436.850.106) | 15.388.561.943 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 97.648.181.818 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 V.17 | 120.883.224.011 | 7.840.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 V.17 | (13.788.857.641) | (7.840.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 107.094.366.370 | 97.648.181.818 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (10.097.856.896) | 71.348.404.875 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 32.149.756.227 | 10.572.790.298 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 V.1 | 22.051.899.331 | 81.921.195.173 |

Người lập biểu


Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng


Nguyễn Hoài Giang

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Quyền Tổng Giám đốc


Lưu Thái Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|---------------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh | Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh | Đầu tư, kinh doanh bất động sản | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế | 30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | Đầu tư, kinh doanh bất động sản | 99,99 | 99,99% | 99,99% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam | Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam | Đầu tư, kinh doanh bất động sản | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên | Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Đầu tư, kinh doanh bất động sản | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô | Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 90,16% | 90,16% | 90,16% |

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp IDJ có trụ sở chính tại tầng 16, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là giáo dục, trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20,01%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 21 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- ♦ Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- ♦ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- ♦ Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- ♦ Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- ◆ Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- ◆ Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- ◆ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- ◆ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- ◆ Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- ◆ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- ♦ Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- ♦ Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- ♦ Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ♦ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- ♦ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- ◆ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- ◆ Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ◆ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ◆ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- ◆ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- ◆ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- ◆ Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- * Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- * Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 62.333.499 | 15.018.235 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.989.565.832 | 3.134.737.992 |
| Các khoản tương đương tiền | 16.000.000.000 | 29.000.000.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | <i>16.000.000.000</i> | <i>29.000.000.000</i> |
| Cộng | <u>22.051.899.331</u> | <u>32.149.756.227</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Cổ phiếu | <i>6.235.695.000</i> | <i>(2.730.487.500)</i> | <i>6.235.695.000</i> | <i>(2.707.150.000)</i> |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương | 2.987.200.000 | (2.730.487.500) | 2.987.200.000 | (2.707.150.000) |
| Các cổ phiếu khác | 3.248.495.000 | - | 3.248.495.000 | - |
| Các khoản đầu tư khác | <i>9.910.143.754</i> | <i>-</i> | <i>11.610.143.754</i> | <i>-</i> |
| Ủy thác đầu tư | 9.910.143.754 | - | 11.610.143.754 | - |
| Cộng | <u>16.145.838.754</u> | <u>(2.730.487.500)</u> | <u>17.845.838.754</u> | <u>(2.707.150.000)</u> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.707.150.000 | 2.521.274.000 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 23.337.500 | 37.340.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>2.730.487.500</u> | <u>2.558.614.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 21.850.000.000 | 21.850.000.000 | 5.350.000.000 | 5.350.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng | 21.850.000.000 | 21.850.000.000 | 5.350.000.000 | 5.350.000.000 |
| Dài hạn | - | - | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng | - | - | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cộng | 21.850.000.000 | 21.850.000.000 | 25.350.000.000 | 25.350.000.000 |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 276.830.339.089 | - | 182.561.934.470 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh ^(a) | 7.407.065.673 | - | 6.025.427.632 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế ^(b) | 168.980.000.000 | - | 168.980.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam ^(c) | 24.569.000 | - | 21.569.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên ^(d) | 10.262.089.516 | - | 7.534.937.838 | - |
| Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô ^(e) | 90.156.614.900 | - | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 27.789.390.000 | - | 27.789.390.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ | 27.789.390.000 | - | 27.789.390.000 | - |
| Cộng | 304.619.729.089 | - | 210.351.324.470 | - |

(a) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21.1.2.1.000 227 ngày 27 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh 31.723.892.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.407.065.673 VND, tương đương 23,35 % vốn điều lệ (số đầu năm là 6.025.427.632 VND, tương đương 18,99 % vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh là 24.316.826.327 VND.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301232560 thay đổi lần thứ 1, ngày 26 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế 55.000.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 168.980.000.000 VND, tương đương 99,99% vốn thực góp (số đầu năm là 168.980.000.000 VND, tương đương 99,99% vốn thực góp). Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Apec Land Huế chưa thay đổi đăng ký kinh doanh theo số vốn thực góp.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700609397 ngày 30 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam 99.000.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Trong kỳ, công ty đã đầu tư thêm 3.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 24.569.000 VND, tương đương 100% vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam là 98.975.431.000 VND.

- (d) Theo Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4601240821 ngày 27 tháng 3 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Túc Duyên 99.000.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Trong kỳ, công ty đã đầu tư thêm 2.727.151.678 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư được 10.262.089.516 VND, tương đương 100% vốn thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Túc Duyên là 88.737.910.484 VND.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301579393 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô có vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND. Trong năm Công ty đã đầu tư 90.156.614.900 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 90.156.614.900 VND, tương đương 90,16% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh (APEC Bắc Ninh)</i> | | |
| Góp vốn vào APEC Bắc Ninh | 1.381.638.041 | 15.390.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế (APEC Huế)</i> | | |
| Góp vốn vào APEC Huế | - | 14.461.517.816 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam (APEC Hà Nam)</i> | | |
| Góp vốn vào APEC Hà Nam | 3.000.000 | 17.569.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên (APEC Túc Duyên)</i> | | |
| Góp vốn vào APEC Túc Duyên | 2.727.151.678 | 138.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô (Lagoon Lăng Cô)</i> | | |
| Góp vốn vào Lagoon Lăng Cô | 90.156.614.900 | - |
| Nhận hỗ trợ vốn từ Lagoon Lăng Cô | 89.899.450.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 35.359.040.663 | 2.164.962.095 |
| Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam | 28.819.078.568 | - |
| Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land | 4.375.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư DPA | 1.951.485.000 | 1.951.485.000 |
| Các khách hàng khác | 213.477.095 | 213.477.095 |
| Cộng | 35.359.040.663 | 2.164.962.095 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 23.234.882 | 23.234.882 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương | 23.234.882 | 23.234.882 |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | 18.890.123.057 | 18.710.488.499 |
| Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng TP Thái Nguyên | 8.310.186.208 | 8.310.186.208 |
| Công ty TNHH Xây dựng Soi sáng | 2.571.854.300 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC | 442.141.300 | 3.488.144.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 7.565.941.249 | 6.912.158.291 |
| Cộng | 18.913.357.939 | 18.733.723.381 |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương (là bên liên quan) vay với lãi suất 0%/năm, không có thời hạn vay.

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 206.308.000.959 | 8.037.306.966 | 194.889.083.816 | 8.037.306.966 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phương - Tiền chuyển nhượng cổ phần | 57.075.000.000 | - | 57.075.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên - Các khoản chi hộ | 20.256.418.579 | - | 19.734.951.575 | - |
| Bà Lý Linh Phương - Tiền chuyển nhượng cổ phần | 10.097.080.000 | - | 10.097.080.000 | - |
| Phải thu các cá nhân ứng tiền phục vụ dự án, đầu tư | 16.013.616.016 | - | 16.013.616.016 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | 674.050.556 | - | 195.835.417 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.361.098.582 | - | 1.361.098.582 | - |
| Tạm ứng | 72.417.822.237 | - | 61.987.417.237 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 28.412.914.989 | 8.037.306.966 | 28.424.084.989 | 8.037.306.966 |
| Cộng | 206.308.000.959 | 8.037.306.966 | 194.889.083.816 | 8.037.306.966 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các bên liên quan</i> | | | - | | | - |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | 8.250.784.061 | - | | 8.250.784.061 | - |
| Phải thu tiền bán hàng | | 213.477.095 | - | | 213.477.095 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | Trên 3 năm | 110.000.000 | - | Trên 3 năm | 110.000.000 | - |
| Ông Phạm Ngọc Tuấn | Trên 3 năm | 5.000.000 | - | Trên 3 năm | 5.000.000 | - |
| Takaaki Iwai | Trên 3 năm | 98.477.095 | - | Trên 3 năm | 98.477.095 | - |
| Phải thu cá nhân tiền ứng phục vụ dự án | | 8.037.306.966 | - | | 8.037.306.966 | - |
| Ông Phạm Duy Hưng | | 6.637.306.966 | - | | 6.637.306.966 | - |
| Ông Ngô Thanh Hải | | 1.400.000.000 | - | | 1.400.000.000 | - |
| Cộng | | 8.250.784.061 | - | | 8.250.784.061 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 8.250.784.061 | 213.477.095 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | 8.250.784.061 | 213.477.095 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | - | - | 1.827.589.562 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.551.408.418 | - | 1.551.408.418 | - |
| Cộng | 1.551.408.418 | - | 3.378.997.980 | - |

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (theo công trình) như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Dự án Khu đô thị số 5 phường Túc Duyên | 1.042.966.335 | 1.042.966.335 |
| Dự án Quy Nhơn, Bình Định | 357.100.265 | 357.100.265 |
| Dự án Đô thị Bàn Thành | 151.341.818 | 151.341.818 |
| Cộng | 1.551.408.418 | 1.551.408.418 |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 1.537.360.605 | 1.071.830.624 | 465.529.981 |
| Khấu hao trong kỳ | | 65.352.197 | (65.352.197) |
| Thanh lý, nhượng bán | (460.633.333) | (287.895.832) | (172.737.501) |
| Cộng | 1.076.727.272 | 849.286.989 | 227.440.283 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

sử dụng

-

-

-

Chờ thanh lý

-

-

-

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 52.888.000 | (52.888.000) | - |
| Khấu hao trong kỳ | - | - | - |
| Cộng | 52.888.000 | (52.888.000) | - |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

sử dụng

52.888.000

-

-

Chờ thanh lý

-

-

-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | - | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 151.763.346.903 | 12.736.565.739 | - | 164.499.912.642 |
| <i>Khu công nghiệp Đa Hội</i> | <i>99.841.720.221</i> | <i>12.736.565.739</i> | <i>-</i> | <i>112.578.285.960</i> |
| <i>Trung tâm thương mại Thái Nguyên</i> | <i>38.665.619.834</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>38.665.619.834</i> |
| <i>Dự án Quản lý Chợ Tam Đa</i> | <i>5.437.472.876</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>5.437.472.876</i> |
| <i>Khu Công nghiệp Diêm Thụy</i> | <i>3.358.531.023</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>3.358.531.023</i> |
| <i>Trung tâm thương mại Bắc Ninh</i> | <i>1.316.981.631</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>1.316.981.631</i> |
| <i>Thành Phố Công nghệ Cao Hà Nam</i> | <i>1.128.806.976</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>1.128.806.976</i> |
| <i>Các dự án khác</i> | <i>2.014.214.342</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>2.014.214.342</i> |
| Cộng | 151.763.346.903 | 12.736.565.739 | - | 164.499.912.642 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp</i> | 13.848.223.077 | 2.144.260.970 |
| S.B. Furniture Industry Co., Ltd | 8.745.698.930 | 1.818.121.480 |
| Gautier France Sas | 2.004.683.712 | - |
| Demeyere | 1.330.856.758 | - |
| Furinova AB | 1.292.613.560 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 474.370.117 | 326.139.490 |
| Cộng | <u>13.848.223.077</u> | <u>2.144.260.970</u> |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>Giảm khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 214.553.277 | - | - | (214.553.277) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 2.595.850.864 | (2.595.850.864) | - | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 2.519.830.988 | (2.519.830.988) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 373.316.653 | 762.504.216 | (373.316.653) | - | 762.504.216 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 488.436.554 | 153.114.368 | (316.907.046) | - | 324.643.876 |
| Tiền thuê đất | - | 105.705.000 | (211.410.000) | - | (105.705.000) |
| Các loại thuế khác | - | 5.000.000 | (5.000.000) | - | - |
| Cộng | <u>1.076.306.484</u> | <u>6.142.005.436</u> | <u>(6.022.315.551)</u> | <u>(214.553.277)</u> | <u>981.443.092</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%) .

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.491.727.233 | 59.737.772.427 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 320.793.846 | 539.949.319 |
| Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành | 342.000.000 | 540.000.000 |
| Chi phí không hợp lý, hợp lệ | - | 22.713.319 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (21.206.154) | (22.764.000) |
| Cổ tức lợi nhuận được chia | (21.206.154) | (22.764.000) |
| Thu nhập chịu thuế | 3.812.521.079 | 60.277.721.746 |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | (10.249.995.875) |
| Thu nhập tính thuế | 3.812.521.079 | 50.027.725.871 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 762.504.216 | 11.006.099.692 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước giá vốn tạm tính của diện tích đất cho thuê lại tại Khu công nghiệp Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 128.241.404.899 | 124.774.801.919 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 40.803.269 | 33.126.739 |
| Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Khu công nghiệp Đa Hội - Bắc Ninh | 73.310.309.180 | 73.310.309.180 |
| Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Trung tâm Thương mại Thái Nguyên | 30.835.682.450 | 27.376.756.000 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land về tiền góp vốn vào Dự án Khu đô thị Số 5 phường Túc Duyên | 22.054.610.000 | 22.054.610.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 128.241.404.899 | 124.774.801.919 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land để thực hiện phân phối Dự án Khu đô thị số 5 phường Túc Duyên.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 212.399.680.000 | 122.530.000.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Apec Land Huế không tính lãi | 122.500.230.000 | 122.530.000.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô không tính lãi | 89.899.450.000 | - |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 20.668.179.366 | 13.498.366.083 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | 4.857.958.043 | 1.997.376.083 |
| Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên không tính lãi | 11.500.990.000 | 11.500.990.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b) | 4.309.231.323 | - |
| Cộng | 233.067.859.366 | 136.028.366.083 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-------------------------------|------------------------|---------------------------------------|--|------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.997.376.083 | 7.619.669.601 | - | (4.759.087.641) | 4.857.958.043 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 134.030.990.000 | 98.899.450.000 | - | (9.029.770.000) | 223.900.670.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | 4.309.231.323 | - | 4.309.231.323 |
| Cộng | 136.028.366.083 | 106.519.119.601 | 4.309.231.323 | (13.788.857.641) | 233.067.859.366 |

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội để phục vụ thi công hạ tầng kỹ thuật Dự án Khu công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội tại phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với lãi suất cho vay tại từng thời điểm nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Sau thời gian ân hạn, số tiền vay được hoàn trả đều hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|-------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 4.309.231.323 | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 10.054.873.087 | - |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | <u>14.364.104.410</u> | <u>-</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông như sau:

| | |
|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số tiền vay phát sinh | 14.364.104.410 |
| Số tiền vay đã trả | - |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | <u>(4.309.231.323)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>10.054.873.087</u> |

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|---------------------------|---------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | (90.668.000) | - | - | (90.668.000) |
| Quỹ phúc lợi | 88.221.382 | - | (53.199.850) | 35.021.532 |
| Cộng | <u>(2.446.618)</u> | <u>-</u> | <u>(53.199.850)</u> | <u>(55.646.468)</u> |

Quỹ khen thưởng chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác”

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Số đầu tư | Số hữ | | | | | |
| Số đầu năm trước | 264.000.000.000 | 48.496.600.000 | | - | 1.293.626.226 | (62.318.223.400) | 251.472.002.826 |
| Tăng vốn trong kỳ trước | 100.000.000.000 | - | | - | - | - | 100.000.000.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (2.351.818.182) | | - | - | - | (2.351.818.182) |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | | - | - | 48.731.672.735 | 48.731.672.735 |
| Số dư cuối kỳ trước | 364.000.000.000 | 46.144.781.818 | | - | 1.293.626.226 | (13.586.550.665) | 397.851.857.379 |
| Số dư đầu năm nay | 364.000.000.000 | 46.144.781.818 | | (9.481.291.820) | 1.293.626.226 | (51.672.521.450) | 350.284.594.774 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | | - | - | 2.729.223.017 | 2.729.223.017 |
| Số dư cuối kỳ này | 364.000.000.000 | 46.144.781.818 | | (9.481.291.820) | 1.293.626.226 | (48.943.298.433) | 353.013.817.791 |

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Tỷ lệ (%) | Vốn điều lệ đã góp (VND) |
|-------------------------------------|---|-------------|-----------|--------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | | |
| Ông Nguyễn Đỗ Lăng | 39.799.220.000 | 10,93% | | 39.799.220.000 |
| Ông Nguyễn Duy Khanh | 5.000.000.000 | 1,37% | | 5.000.000.000 |
| Quỹ Asean Small Cap Fund | 6.500.000.000 | 1,79% | | 6.500.000.000 |
| Lucerne Enterprise Ltd | 73.000.000.000 | 20,05% | | 73.000.000.000 |
| Quỹ Optis Global Opportunities Fund | 4.000.000.000 | 1,10% | | 4.000.000.000 |
| Atonius | 2.000.000.000 | 0,55% | | 2.000.000.000 |
| Ông Lê Hồng Nam | 14.500.000.000 | 3,98% | | 14.500.000.000 |
| Các cổ đông khác | 219.200.780.000 | 60,22% | | 219.200.780.000 |
| Cộng | 364.000.000.000 | 100% | | 364.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.400.000 | 36.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 36.400.000 | 36.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.400.000 | 36.400.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.000.000 | 1.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 35.400.000 | 35.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 35.400.000 | 35.400.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|----------------------------|--|--------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 31.037.281.137 | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 145.012.930 | 177.221.913 |
| Doanh thu cho thuê lại đất | 7.954.545.455 | - |
| Cộng | 39.136.839.522 | 177.221.913 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---------------------------------|--|--------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 28.537.613.861 | - |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 225.556.900 | 234.586.100 |
| Giá vốn cho thuê lại đất | 4.413.156.747 | - |
| Cộng | 33.176.327.508 | 234.586.100 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.357.383.984 | 727.036.749 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 24.994.536 | 47.443.385 |
| Lãi tiền cho vay | 4.108.889 | 6.111.111 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 21.206.154 | 22.764.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 64.134.020 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 94.410.782 | - |
| Chiết khấu thanh toán | 1.146.510 | - |
| Lãi chuyển nhượng công ty con | - | 62.529.936.580 |
| Cộng | 1.567.384.875 | 63.333.291.825 |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 135.528.208 | 48.346.925 |
| Phí lưu ký chứng khoán | - | 16.054.817 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn | 23.337.500 | 37.340.000 |
| Cộng | 158.865.708 | 101.741.742 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 2.831.341.656 | 1.625.037.168 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 65.352.197 | 76.868.030 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.000.000 | 12.270.250 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 106.143.031 | 5.617.020 |
| Các chi phí khác | 860.365.927 | 1.716.621.001 |
| Cộng | 3.868.202.811 | 3.436.413.469 |

6. Chi phí khác

Là lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 2.831.341.656 | 1.625.037.168 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 65.352.197 | 76.868.030 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 331.699.931 | 240.203.120 |
| Chi phí khác | 5.278.522.674 | 1.728.891.251 |
| Cộng | 8.506.916.458 | 3.670.999.569 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập | 815.400.000 | 642.000.000 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp IDJ | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương | Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.5, V.6, và V.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- ◆ Lĩnh vực thương mại: Bán hàng hóa.
- ◆ Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê lại đất, dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Lĩnh vực thương mại</u> | <u>Lĩnh vực dịch vụ</u> | <u>Cộng</u> |
|---|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Kỳ này | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 31.037.281.137 | 8.099.558.385 | 39.136.839.522 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | <u>31.037.281.137</u> | <u>8.099.558.385</u> | <u>39.136.839.522</u> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 2.499.667.276 | 3.460.844.738 | 5.960.512.014 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (3.868.202.811) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 2.092.309.203 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 1.567.384.875 |
| Chi phí tài chính | | | (158.865.708) |
| Thu nhập khác | | | - |
| Chi phí khác | | | (9.101.137) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (762.504.216) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | <u>2.729.223.017</u> |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | <u>12.736.565.739</u> |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | <u>65.352.197</u> |
| Kỳ trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | - | 177.221.913 | 177.221.913 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | <u>-</u> | <u>177.221.913</u> | <u>177.221.913</u> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | - | (57.364.187) | (57.364.187) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (3.436.413.469) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | (3.493.777.656) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 63.333.291.825 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Cộng |
|---|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Chi phí tài chính | | | (101.741.742) |
| Thu nhập khác | | | - |
| Chi phí khác | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (11.006.099.692) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 48.731.672.735 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 1.176.401.721 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | 76.868.030 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Cộng |
|--|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 28.819.078.568 | 4.375.000.000 | 33.194.078.568 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 752.799.551.833 |
| Tổng tài sản | | | 785.993.630.401 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 13.373.852.960 | 4.413.156.747 | 17.787.009.707 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 415.192.802.903 |
| Tổng nợ phải trả | | | 432.979.812.610 |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.827.589.562 | - | 1.827.589.562 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 654.940.075.702 |
| Tổng tài sản | | | 656.767.665.264 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 1.818.121.480 | - | 1.818.121.480 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 304.664.949.010 |
| Tổng nợ phải trả | | | 306.483.070.490 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Dream Works Việt nam với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 81% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 0%). Các khách hàng khác có số dư dưới 15% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương (APECS) vay tiền. APECS có cùng chủ tịch với Công ty và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|---------------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 22.051.899.331 | - | 22.051.899.331 |
| Chứng khoán kinh doanh | 3.248.495.000 | 2.987.200.000 | 6.235.695.000 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 21.850.000.000 | - | 21.850.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 35.145.563.568 | 213.477.095 | 35.359.040.663 |
| Các khoản cho vay | 678.500.000 | - | 678.500.000 |
| Các khoản phải thu khác | 125.852.871.756 | 8.037.306.966 | 133.890.178.722 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 9.910.143.754 | - | 9.910.143.754 |
| Cộng | 218.737.473.409 | 11.237.984.061 | 229.975.457.470 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|---|---|---------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 32.149.756.227 | - | 32.149.756.227 |
| Chứng khoán kinh doanh | 3.248.495.000 | 2.987.200.000 | 6.235.695.000 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 25.350.000.000 | - | 25.350.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 1.951.485.000 | 213.477.095 | 2.164.962.095 |
| Các khoản cho vay | 5.678.500.000 | - | 5.678.500.000 |
| Các khoản phải thu khác | 124.864.359.613 | 8.037.306.966 | 132.901.666.579 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 11.610.143.754 | - | 11.610.143.754 |
| Cộng | 204.852.739.594 | 11.237.984.061 | 216.090.723.655 |

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Phải trả người bán | 13.848.223.077 | - | - | 13.848.223.077 |
| Vay và nợ | 233.067.859.366 | 10.054.873.087 | - | 243.122.732.453 |
| Các khoản phải trả khác | 132.613.758.377 | 41.866.546.500 | - | 174.480.304.877 |
| Cộng | 379.529.840.820 | 51.921.419.587 | - | 431.451.260.407 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 2.144.260.970 | - | - | 2.144.260.970 |
| Vay và nợ | 136.028.366.083 | - | - | 136.028.366.083 |
| Các khoản phải trả khác | 124.741.675.180 | 41.866.546.500 | - | 166.608.221.680 |
| Cộng | 262.914.302.233 | 41.866.546.500 | - | 304.780.848.733 |

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Công ty chỉ có khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 449.242 USD và 133.855,31 EUR (số đầu năm là 80.662 USD).

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 19.222.062.453 VND (số đầu năm là 1.997.376.083 VND).

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 3.505.207.500 VND (số đầu năm là 3.528.545.000 VND).

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 22.051.899.331 | - | 32.149.756.227 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 6.235.695.000 | (2.730.487.500) | 6.235.695.000 | (2.707.150.000) |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 21.850.000.000 | - | 25.350.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 35.359.040.663 | (213.477.095) | 2.164.962.095 | (213.477.095) |
| Các khoản cho vay | 678.500.000 | - | 5.678.500.000 | - |
| Các khoản phải thu khác | 133.890.178.722 | (8.037.306.966) | 132.901.666.579 | (8.037.306.966) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 9.910.143.754 | - | 11.610.143.754 | - |
| Cộng | 229.975.457.470 | (10.981.271.561) | 216.090.723.655 | (10.957.934.061) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 13.848.223.077 | 2.144.260.970 |
| Vay và nợ | 243.122.732.453 | 136.028.366.083 |
| Các khoản phải trả khác | 174.480.304.877 | 166.608.221.680 |
| Cộng | 431.451.260.407 | 304.780.848.733 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)



Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Quyền Tổng Giám đốc



Lưu Thái Đông

